

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TP. ĐÀ NẴNG	SỐ: 9470/QĐ-UBND
Số: 1071	
ĐẾN Ngày: 22.12.09	
Chuyên:	

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án thực hiện mục tiêu
"Không có hộ đặc biệt nghèo" đến năm 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 10 tháng 8 năm 2009 của Thành ủy Đà Nẵng về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt nghèo, học sinh bỏ học và thiếu niên hư, vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 78/2009/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố khoá VII, nhiệm kỳ 2004 - 2011, kỳ họp thứ 14 về nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2009;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thực hiện mục tiêu "Không có hộ đặc biệt nghèo" đến năm 2015 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, tập trung nguồn lực và sức mạnh của toàn xã hội giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ nghèo khó khăn tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao mức thu nhập, cải thiện đời sống, vươn lên thoát nghèo bền vững, để đến năm 2015, thành phố cơ bản không còn hộ đặc biệt nghèo, góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu của Đề án Giảm nghèo trên địa bàn thành phố giai đoạn 2009-2015.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đảm bảo 100% số hộ đặc biệt nghèo được ưu tiên hỗ trợ cải thiện nhà ở, điện, nước sạch, xây dựng công trình phụ hợp vệ sinh, được hỗ trợ vốn, vay vốn tạo việc làm khi có nhu cầu;

b) 100% số người trong hộ đặc biệt nghèo được hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, được miễn giảm học phí, viện phí, ưu tiên đào tạo nghề miễn phí và giới thiệu việc làm;

c) 100% người già yếu, người tàn tật, trẻ em mồ côi, người mắc bệnh hiểm nghèo, người ốm đau thường xuyên không còn sức lao động thuộc các hộ đặc biệt nghèo, ngoài việc ưu tiên áp dụng chính sách trợ cấp xã hội theo quy định chung và quy định của thành phố, còn được thành phố xem xét hỗ trợ hằng tháng để nâng cao mức sống;

d) Bằng các giải pháp trợ giúp đặc biệt, phấn đấu hằng năm có từ 300 - 500 hộ đặc biệt nghèo còn sức lao động từng bước nâng cao mức thu nhập, cải thiện đời sống và thoát nghèo bền vững.

II. QUY MÔ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Quy mô

Rà soát, chuyển các hộ đặc biệt nghèo không có khả năng thoát nghèo do điều kiện khách quan (hộ chỉ có người già yếu, tàn tật, đau ốm thường xuyên không còn khả năng lao động, sang nhóm đối tượng hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên từ ngân sách thành phố) sau đó, chọn 2.000 hộ có mức thu nhập thấp nhất, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt trong số hộ nghèo theo chuẩn mới của thành phố và phân thành 02 nhóm để có giải pháp giúp đỡ, hỗ trợ phù hợp.

2. Tiến độ thực hiện

a) Giai đoạn I (2010 - 2011): Tập trung hỗ trợ, giúp đỡ:

- Các hộ đặc biệt nghèo không còn sức lao động

- 1.000 hộ đặc biệt nghèo còn sức lao động (nhóm 1).

b) Giai đoạn II (2012-2015): Trên cơ sở sơ kết thực hiện Đề án giai đoạn I, tiếp tục khảo sát chọn thêm 1.000 hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn để tiếp tục có giải pháp giúp đỡ các hộ nhóm này phấn đấu vượt qua khó khăn vươn lên thoát nghèo (nhóm 2).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và phối hợp

- Các ngành, các cấp, các đoàn thể phải xem việc hỗ trợ giúp đỡ hộ đặc biệt nghèo là việc làm mang ý nghĩa chính trị - xã hội và nhân văn sâu sắc, là một trong những chính sách an sinh xã hội quan trọng của thành phố, cần xác định rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của mình, để từ đó có kế hoạch, biện pháp cụ thể tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc đánh giá, tránh hình thức và "bệnh thành tích" chấn chỉnh những địa phương, đơn vị thiếu trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện.

- Trong tổ chức triển khai trên từng địa bàn cần có sự chỉ đạo, điều phối chặt chẽ của các quận, huyện ủy và UBND quận, huyện nhất là trong điều tra,

khảo sát nắm danh sách đối tượng và hoạt động kiểm tra tránh chồng chéo, gây phiền hà cho cơ sở.

UBND các quận, huyện chủ trì làm việc với các đơn vị, đoàn thể được Thành uỷ phân công giúp đỡ để thống nhất kế hoạch, biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ, phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các bên và cách thức triển khai.

2. Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động

- Thông qua các phương tiện truyền thông và các đợt sinh hoạt tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân Chi thị số 24-CT/TU ngày 10/8/2009 về tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt nghèo; Đề án thực hiện mục tiêu “Không có hộ đặc biệt nghèo” trong Chương trình Thành phố “5 không” giai đoạn 2010-2015 và các kế hoạch, chương trình của thành phố làm cho các cấp, các ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp và tầng lớp nhân dân hiểu rõ chủ trương của Thành uỷ là nhiệm vụ lâu dài, thường xuyên, đòi hỏi sự quyết tâm cao trong chỉ đạo thực hiện; là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và mỗi gia đình, mỗi người dân, từ đó, huy động được nhiều nguồn lực xã hội để thực hiện;

- Công tác tuyên truyền vận động phải tạo được chuyển biến thực sự trong nhận thức và ý thức về trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, gia đình, toàn xã hội hưởng ứng và tham gia giúp đỡ hộ đặc biệt nghèo; chú trọng tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức tự vươn lên của các hộ đặc biệt nghèo, không trông chờ, ỷ lại chính sách của nhà nước;

- Vận động hộ đặc biệt nghèo tích cực tham gia phòng tránh các tệ nạn xã hội;

- Tăng cường tuyên truyền, vận động các cặp vợ chồng còn trong độ tuổi sinh đẻ đã có 2 con thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình; đặc biệt chú ý đối tượng là phụ nữ không chồng (còn trong độ tuổi sinh đẻ) hiện nay đã có con;

- Tổ chức vận động các cơ quan, doanh nghiệp hưởng ứng phong trào nhận giúp đỡ trực tiếp đối với các hộ đặc biệt nghèo;

- Ban hành chính sách khen thưởng, động viên kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện chủ trương của Thành uỷ.

3. Chính sách đối với hộ đặc biệt nghèo

3.1. Chính sách chung

- Ưu tiên thực hiện đồng bộ các chính sách đối với hộ nghèo, đặc biệt nghèo theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; các chính sách của UBND thành phố tại Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 17/3/2008 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, Quyết định số 48/2008/QĐ-UBND ngày

19/11/2008 về chính sách trợ giúp đối với bộ đội xuất ngũ bị bệnh tâm thần; Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 phê duyệt Đề án giảm nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn (2009 - 2015).

- Theo dõi và cập nhật định kỳ 3 tháng 1 lần danh sách hộ đặc biệt nghèo để kịp thời có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ.

3.2. Chính sách cụ thể

a) Đối với các hộ đặc biệt nghèo không còn sức lao động:

- Đối với người già yếu, người tàn tật, trẻ em mồ côi, người ốm đau thường xuyên, người mắc bệnh hiểm nghèo..., ngoài trợ cấp xã hội hằng tháng theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND và Quyết định số 48/2008/QĐ-UBND, còn được hỗ trợ thêm hằng tháng, với mức 200.000 đồng/người/tháng, để cải thiện đời sống;

- Đối với những trường hợp không đủ điều kiện áp dụng trợ cấp xã hội hằng tháng theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND và Quyết định số 48/2008/QĐ-UBND thì được hỗ trợ thêm hằng tháng, với mức 300.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách đối với các hộ đặc biệt nghèo còn sức lao động:

- Người già yếu, người tàn tật, trẻ em mồ côi, người ốm đau thường xuyên, người mắc bệnh hiểm nghèo... trong nhóm hộ đặc biệt nghèo này được hưởng chính sách trợ cấp, hỗ trợ thêm theo quy định tại điểm a khoản này;

- Có kế hoạch vận động trợ giúp phù hợp với nhu cầu thực tế của từng hộ, ưu tiên giải quyết học nghề miễn phí, tư vấn giới thiệu việc làm, cho vay vốn, hỗ trợ phương tiện, điều kiện sản xuất kinh doanh, hướng dẫn cách làm ăn...;

- Thực hiện các chương trình chăm sóc, điều trị người bị bệnh tâm thần nhằm giảm gánh nặng cho các hộ đặc biệt nghèo để họ vươn lên thoát nghèo bền vững.

c) Chính sách hỗ trợ ổn định chỗ ở:

- Thông qua vận động và bằng Quỹ "Vì người nghèo" của thành phố, hỗ trợ cho tất cả các hộ đặc biệt nghèo đang ở nhà tạm, nhà cấp 4 xuống cấp được xây mới hoặc sửa chữa nhà ở; trường hợp không có đất ở thì ưu tiên giải quyết nhà liền kề hoặc căn hộ chung cư;

- Đối với các hộ đã có chỗ ở nhưng chưa có điện, nước, công trình phụ thì được hỗ trợ lắp đặt hệ thống cấp điện, nước và xây dựng công trình phụ hợp vệ sinh.

4. Huy động các nguồn lực

Cùng với nguồn lực từ ngân sách, cần huy động các nguồn lực khác từ các cơ quan, doanh nghiệp, nhà hảo tâm, các họ tộc; vận động các doanh nghiệp giúp đỡ trực tiếp hộ nghèo, trẻ em nghèo hoặc thông qua các Quỹ, Chương trình

nhu: Quỹ Vì người nghèo, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo; Quỹ khuyến học, Chương trình xoá nhà tạm và sửa chữa nhà ở cho người nghèo... Xây dựng các dự án, chương trình cụ thể để kêu gọi tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước.

Gắn kết chặt chẽ việc thực hiện các giải pháp hỗ trợ hộ đặc biệt nghèo với các phong trào "Xây dựng gia đình văn hoá, khu dân cư, Tổ dân phố văn hoá"... và các chương trình, kế hoạch kinh tế- xã hội trên từng địa bàn.

Đảm bảo sự tham gia tích cực và chủ động của UBMTTQVN thành phố, các đoàn thể cùng với chính quyền các cấp trong cuộc vận động giúp đỡ hộ nghèo đặc biệt khó khăn.

Dự kiến tổng nguồn lực thực hiện trong cả giai đoạn 6 năm (2010-2015) khoảng 99,150 tỷ đồng (phụ lục kèm theo) trong đó:

- Ngân sách thành phố: 39,150 tỷ đồng (bình quân hơn 6 tỷ đồng/năm).

- Huy động cộng đồng và các tổ chức khác: 60,000 tỷ đồng (bình quân hơn 10 tỷ đồng/năm).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực của Đề án, giúp UBND thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện Đề án;

- Phối hợp với các địa phương khảo sát, lập danh sách, phân tích thực trạng, nguyên nhân đặc biệt nghèo của từng hộ; qua đó đề xuất giải pháp hỗ trợ, giúp đỡ thiết thực, phù hợp với điều kiện của từng gia đình; rà soát, cập nhật thường xuyên kịp thời biến động hộ đặc biệt nghèo, cấp sổ quản lý cho hộ đặc biệt nghèo;

- Tổ chức thực hiện các chính sách về dạy nghề, tạo việc làm.

2. Sở Y tế

- Chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ về y tế cho các hộ đặc biệt nghèo; chỉ đạo các Trung tâm Y tế tuyến quận, huyện quan tâm khám chữa bệnh cho hộ đặc biệt nghèo;

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và UBND các quận, huyện tập trung truyền thông vận động thực hiện kế hoạch hoá gia đình cho nhóm hộ có hoàn cảnh đặc biệt nghèo;

- Rà soát, phân loại người tâm thần theo mức độ bệnh và áp dụng các chương trình hỗ trợ điều trị phù hợp nhằm giảm bớt khó khăn cho gia đình.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục cho các hộ đặc biệt nghèo.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cân đối ngân sách hằng năm cho các hoạt động của Đề án, trình UBND thành phố phê duyệt;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành liên quan đề xuất các chính sách, giải pháp, cũng như lồng ghép các chương trình, dự án, đề án có liên quan.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí và đảm bảo ngân sách nhà nước cấp hằng năm để thực hiện Đề án; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở, điện, nước sinh hoạt cho hộ đặc biệt nghèo; lồng ghép Chương trình "Có nhà ở" của thành phố để đề xuất hỗ trợ hộ đặc biệt nghèo đang ở nhà thuê, có bức xúc về nhà ở được giải quyết nhà liền kề hoặc căn hộ chung cư.

7. Sở Nội vụ

Đề xuất chính sách khen thưởng, động viên kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện chủ trương của Thành ủy tại Chỉ thị 24/CT-TU.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí tuyên truyền chủ trương của thành phố về Đề án này.

9. Các cơ quan báo chí thành phố

Chủ động xây dựng chương trình, chuyên mục để tuyên truyền Đề án bằng nhiều hình thức phù hợp.

10. Sở Ngoại vụ

Vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tài trợ cho các chương trình, dự án giảm nghèo của thành phố; hỗ trợ, giúp đỡ hộ đặc biệt nghèo.

11. Các Sở, ngành khác

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với các địa phương giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt nghèo theo Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 10/8/2009 của Thành ủy Đà Nẵng;

- Có kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý phối hợp với UBND các quận, huyện, xã, phường theo dõi, giúp đỡ và có cách làm thiết thực trong việc trợ giúp các hộ đặc biệt nghèo.

12. UBND các quận, huyện

- Xây dựng và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch của địa phương để triển khai Đề án này;

- Rà soát, thống kê, lập danh sách theo nhóm hộ đặc biệt nghèo theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cập nhật thường xuyên danh sách hộ đặc biệt nghèo để có những đề xuất kịp thời và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và danh sách hộ đặc biệt nghèo của địa phương;

- Chủ động tổ chức thực hiện các chính sách và nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND quận, huyện;

- Chủ trì phối hợp các ngành, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp được Thành uỷ phân công giúp đỡ để xây dựng kế hoạch và có biện pháp hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng;

- Phối hợp UBMTTQ thành phố, các ngành, đoàn thể và kêu gọi các doanh nghiệp hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ sửa chữa nhà và xoá nhà tạm đối với hộ đặc biệt nghèo;

- Chỉ đạo UBND các xã, phường thực hiện Đề án có hiệu quả.

13. Đề nghị UBMTTQVN thành phố, các hội, đoàn thể tổ chức phát động thực hiện các phong trào thiết thực giúp đỡ, hỗ trợ hộ đặc biệt nghèo; tuyên truyền, vận động các hộ đặc biệt nghèo tích cực tham gia phòng tránh các tệ nạn xã hội, thực hiện kế hoạch hóa gia đình; đồng thời vận động các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp nhận đỡ đầu, giúp đỡ trực tiếp hộ đặc biệt nghèo.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, SƠ KẾT, TỔNG KẾT

- Căn cứ Đề án này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện;

- Định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng các Sở ban ngành, UBND các quận huyện báo cáo kết quả thực hiện tại cuộc họp giao ban thường kỳ của lãnh đạo thành phố với Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các quận, huyện;

- Định kỳ hàng tháng (vào ngày 15), hàng quý (vào ngày 15 của tháng cuối quý), 06 tháng (vào ngày 15 tháng 6), hàng năm (vào ngày 15 tháng 12) gửi báo cáo tình hình thực hiện Đề án về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thành uỷ, UBND thành phố;

- Định kỳ 6 tháng và hàng năm UBND các quận, huyện chủ trì tổ chức đánh giá tình hình, rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả về UBND thành phố và Ban Thường vụ Thành uỷ thành phố;

- Hàng năm, UBND thành phố sẽ tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng và tổng kết năm về tình hình thực hiện Chỉ thị 24/CT-TU của Thành uỷ.

Điều 2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- TVTU, TT HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu QH thành phố;
- UB MTTQVN thành phố;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện, xã, phường;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH ĐN;
- Trung tâm Công báo thành phố;
- Lưu: VTLT, NC-PC, VX, TH. 140

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Minh

TỔNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
 (Kèm theo Quyết định số **9470 /QĐ-UBND**
 ngày **15** tháng **12** năm **2009** của **UBND thành phố Đà Nẵng**)

ĐVT: Tr đồng

	Chi tiêu	Tổng cộng	NAM						
			2010	2011	2012	2013	2014	2015	
	Ngân sách thành phố	39,150							
	- Nâng mức trợ cấp cho đối tượng trong hộ đặc biệt nghèo đang hưởng trợ cấp xã hội theo QĐ 19, QĐ 48/QĐ-UB 1.618 người x 200.000đ/ng/thg x 12 th	23,298	3,883	3,883	3,883	3,883	3,883	3,883	3,883
	- Trợ cấp cứu tế xã hội hàng tháng cho số đối tượng già yếu, bệnh tật không có sức lao động ở trong hộ đặc biệt nghèo 734 người x 300.000đ/ng/tháng x 12th	15,852	2,642	2,642	2,642	2,642	2,642	2,642	2,642
2	Huy động các tổ chức xã hội	60,000							
	Hỗ trợ xoá nhà tạm, sửa chữa nhà, điện, nước, công trình vệ sinh...	60,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000



CHÍNH A. HIỆP
13-01-2010

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **367** /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày **15** tháng **01** năm **2010**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
TP. ĐÀ NẴNG	
Số: 48	
ĐỀ Ngày: 19.1.2010	
Chuyên:	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và thông tư số 09/2007/TT-BLĐ-TB&XH ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Bộ Lao động - TB&XH hướng dẫn một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 10 tháng 8 năm 2009 của Thành ủy Đà Nẵng về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt nghèo, học sinh bỏ học và thiếu niên hư, vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 9470/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phê duyệt Đề án thực hiện mục tiêu "Không có hộ đặc biệt nghèo" đến năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ thêm hàng tháng đối với một số đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo cụ thể:

1. Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 200.000 đồng/người/tháng đối với người già yếu, người tàn tật, trẻ em mồ côi, người ốm đau thường xuyên, người mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ đặc biệt nghèo đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2008 và Quyết định số 48/2008/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2008;

- Hỗ trợ 300.000 đồng/người/tháng đối với người già yếu, người tàn tật, trẻ em mồ côi, người ốm đau thường xuyên, người mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ đặc biệt nghèo không thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2008 và Quyết định số 48/2008/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2008;

Ký: BCĐ
- Phó B. T. C
- Phó KH. FC
19.01.2010

2. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội hàng năm của quận, huyện.

Đối với kinh phí trong năm 2010, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND các quận, huyện xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND thành phố xem xét, quyết định trước ngày 01 tháng 3 năm 2010.

3. Thời điểm thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

4. Phân công nhiệm vụ

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các quận, huyện trong việc tổ chức thực hiện;

- Tổng hợp dự toán hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, bố trí kinh phí thực hiện cho ngân sách các quận, huyện;

- Phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện theo dõi danh sách tăng, giảm, hộ đặc biệt nghèo và đối tượng được hỗ trợ tại điểm 1 Điều 1 Quyết định này;

- Định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo.

b) Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

- Lập dự toán hàng năm gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND thành phố theo quy định;

- Bố trí dự toán ngân sách, thực hiện chi hỗ trợ đúng đối tượng, đúng chế độ và quyết toán theo quy định hiện hành;

- Có biện pháp quản lý, thường xuyên cập nhật tăng, giảm danh sách hộ đặc biệt nghèo và đối tượng được hỗ trợ; quyết định hỗ trợ cho đối tượng theo quy định tại điểm 1 Điều 1 Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra và giám sát cấp phường, xã thực hiện;

- Định kỳ trước ngày 15/6 và 15/12 hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo về Sở Lao động Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Ủy ban nhân dân các phường, xã:

Lập danh sách và thường xuyên cập nhật tăng, giảm hộ đặc biệt nghèo và đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại điểm 1 Điều 1 Quyết định này, tổng hợp trình UBND quận, huyện quyết định trợ cấp và ngừng trợ cấp;

Tiếp nhận kinh phí từ ngân sách quận, huyện thực hiện chi trả cho đối tượng và tổng hợp thanh toán với ngân sách quận, huyện để tổng hợp quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Lao động- Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng, Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ LĐ-TB&XH, Bộ Tài chính;
- TVTU, TTHĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Trung tâm THVN tại ĐN;
- Đài PTTH ĐN, Báo ĐN;
- Trung tâm Công báo thành phố;
- CVP, PCVP NVKhoa;
- Lưu: VTLT, VX, KTTH.

140



Trần Văn Minh

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 01 năm 2010

Số: 03 /HD-SLĐTBXH

HƯỚNG DẪN

Trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc triển khai thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, MỨC TRỢ CẤP HÀNG THÁNG

1. Đối tượng

Đối tượng quy định tại điều 1 Quyết định số 367/QĐ-UBND bao gồm:

1.1 Người già yếu, người tàn tật, trẻ em mồ côi, người ốm đau thường xuyên, người mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ đặc biệt nghèo đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Quyết định 19/2008/QĐ-UBND, Quyết định 48/2008/QĐ-UBND hiện đang sống tại cộng đồng do xã, phường quản lý (sau đây viết tắt là đối tượng nhóm 1);

1.2 Người già yếu, người tàn tật, trẻ em mồ côi, người ốm đau thường xuyên, người mắc bệnh hiểm nghèo thuộc hộ đặc biệt nghèo không thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Quyết định 19/2008/QĐ-UBND, Quyết định 48/2008/QĐ-UBND hiện đang sống tại cộng đồng do xã, phường quản lý (sau đây viết tắt là đối tượng nhóm 2).

2. Mức trợ cấp

2.1 Đối tượng nhóm 1 được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/người/tháng.

2.2 Đối tượng nhóm 2 được hỗ trợ 300.000 đồng/người/tháng.

II. HỒ SƠ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền, quy trình giải quyết trợ cấp

1.1 Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền xét hỗ trợ đối với đối tượng nhóm 1 và nhóm 2, gồm có:

- Biên bản xét duyệt của Hội đồng xét duyệt xã, phường (mẫu số 01/ĐBN);

- Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, kèm danh sách trích ngang (mẫu số 02, 03/ĐBN);

- Văn bản thẩm định của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

- Quyết định của Chủ tịch UBND quận, huyện về việc trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo (mẫu số 04, 05/ĐBN).

1.2 Quy trình

- Trên cơ sở danh sách hộ đặc biệt nghèo (không còn sức lao động và còn sức lao động) được thành phố phê duyệt, cán bộ chuyên trách giám nghèo xã, phường lập danh sách trích ngang đối tượng nhóm 1 và nhóm 2 trình Chủ tịch UBND xã, phường;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức họp Hội đồng xét duyệt thông qua từng trường hợp và biểu quyết theo đa số. Thành phần của Hội đồng xét duyệt gồm có: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch Hội đồng; cán bộ chuyên trách giám nghèo làm ủy viên thường trực; cán bộ Tài chính - Kế toán, Văn phòng - Thống kê, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc và đại diện một số đoàn thể làm ủy viên;

- Sau khi Hội đồng xét duyệt thông qua, danh sách đối tượng nhóm 1 và nhóm 2 được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thời gian niêm yết trong vòng 07 ngày kể từ ngày Hội đồng xét duyệt xã, phường thông qua;

- Khi hết thời hạn công khai, UBND xã, phường hoàn thiện hồ sơ, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định trợ cấp.

2. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền, quy trình, quyết định ngừng hưởng trợ cấp

Khi đối tượng không đủ điều kiện để hưởng trợ cấp hàng tháng (Di chuyển đến nơi cư trú mới, từ trần, không còn là đối tượng nêu ở điểm 1 mục I hoặc bị phát hiện có sự gian dối, khai man hồ sơ...) thì quyết định ngừng hưởng trợ cấp.

2.1. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền

- Văn bản đề nghị của UBND xã, phường; đơn của gia đình đối tượng, giấy chứng tử (nếu có); đơn thư tố giác của cá nhân, tổ chức (nếu có);

- Biên bản kiểm tra, xác minh hoặc văn bản đề nghị của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện;

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện về việc ngừng trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc diện hộ đặc biệt nghèo (mẫu số 06/ĐBN).

2.2. Quy trình

- UBND xã, phường tiếp nhận hồ, có văn bản đề nghị gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện ;

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện tiếp nhận hồ sơ, tiến hành kiểm tra, thẩm định, xác minh, kết luận trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định ngừng trợ cấp hàng tháng;

- Hàng năm, vào tháng 12 Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức họp Hội đồng xét duyệt gồm các thành phần như đã nêu trên, tiến hành rà soát danh sách đối tượng đang được trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 367/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Những trường hợp không còn đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thì Ủy ban nhân dân xã, phường có văn bản (kèm theo biên bản) đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chấm dứt trợ cấp.

III. THỜI GIAN, KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

1.1 Việc thực hiện trợ cấp hàng tháng cho đối tượng được tính kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ký quyết định;

1.2 Số đối tượng đợt đầu năm 2010 đã báo cáo danh sách với UBND thành phố, thì việc trợ cấp được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và phải được tiến hành trong quý I năm 2010.

2. Kinh phí thực hiện

2.1 Kinh phí thực hiện trợ cấp cho đối tượng do ngân sách quận, huyện đảm bảo từ nguồn chi sự nghiệp đảm bảo xã hội hàng năm;

2.2 Hàng năm, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài chính quận, huyện lập dự toán trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, đồng thời báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính trước ngày 31/8 (theo mẫu cùng với việc thực hiện Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND).

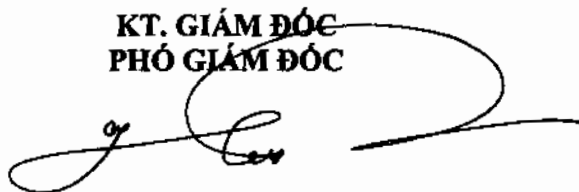
Đối với kinh phí thực hiện trong năm 2010, Ủy ban nhân dân các quận, huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, tổng hợp trình Sở Tài chính thẩm định trước ngày 25 tháng 02 năm 2010.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn thực hiện Quyết định 367/QĐ-UBND, trong quá trình triển khai nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các địa phương tổng hợp phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Đ/c Nông Thị Ngọc Minh
Phó Chủ tịch UBND thành phố (báo cáo);
- Sở Tài chính TPĐN (phối hợp);
- UBND các quận, huyện (chỉ đạo);
- UBND các xã, phường; | thực
- Phòng LĐTBXH các quận, huyện; | hiện
- Lưu: VT, KHTC, BTXHTE.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
Xét duyệt trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo

Hôm nay, vào lúc:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....
tại.....UBND xã, phường; quận, huyện:.....

Chúng tôi, gồm:

- | | | | |
|------------|-------|--|--------------|
| 1. Ông, bà | | Chủ tịch (Phó Chủ tịch) UBND xã, phường: | |
| 2. Ông, bà | | Chuyên trách giám nghèo | : Ủy viên TT |
| 3. Ông, bà | | Cán bộ Tài chính-Kế toán | : Thành viên |
| 4. Ông, bà | | Cán bộ Văn phòng-Thống kê | : Thành viên |
| 5. Ông, bà | | Chủ tịch UBMTTQ | : Thành viên |
| 6. Ông, bà | | Đại diện..... | : Thành viên |
| 7. Ông, bà | | Đại diện..... | : Thành viên |
| 8. Ông, bà | | Đại diện..... | : Thành viên |

Tiến hành cuộc họp Hội đồng xét duyệt đề nghị trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo, gồm những nội dung sau:

1.
2.
3.

Hội đồng đã thống nhất một số kết luận sau:

a) Các trường hợp đủ điều kiện đề nghị trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng:

1.
2.
3.

b) Các trường hợp không đề nghị trợ cấp

1.
- Lý do:.....
2.
- Lý do:.....
3.
- Lý do:.....

Hội đồng nhất trí đề nghị Chủ tịch (Phó Chủ tịch) UBND xã, phường xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

Cuộc họp kết thúc lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 20.....

Biên bản này được lập thành 04 bản, gửi UBND quận, huyện 02 bản (thông qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) và lưu tại xã, phường 02 bản./.

Thư ký hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
 QUẬN, HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBNDngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc diện hộ đặc biệt nghèo
 (đối tượng nhóm 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp thêm 200.000 đồng/tháng tháng đối với ông (bà).....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....Hiện đang thường trú tại thôn (tổ).....
 xã (phường).....huyện (quận).....
 thành phố Đà Nẵng, là đối tượng:....., đang hưởng trợ
 cấp xã hội hàng tháng theo Quyết định số.....

Tổng mức hỗ trợ là.....đồng/tháng (Bằng chữ:.....)
 Kể từ ngày tháng năm 20.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số
 ngày.....tháng.....năm.....

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND huyện (quận).....,
 Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài
 chính, Chủ tịch UBND xã, phường..... và đối tượng có tên ở
 Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, LĐT BXH

TM. UBND QUẬN, HUYỆN.....
 (Ký tên và đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN, HUYỆN.....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBNDngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ngừng trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc diện hộ đặc biệt nghèo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ngừng trợ cấp hàng tháng đối với ông (bà).....
Sinh ngày.....tháng.....năm.....Hiện đang thường trú tại thôn (tổ).....
xã (phường).....huyện (quận).....
thành phố Đà Nẵng, là đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thuộc hộ đặc biệt nghèo, kể từ ngày tháng.....năm 20.....

Lý do ngừng trợ cấp:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND huyện (quận)....., Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chủ tịch UBND xã, phường..... và đối tượng có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, LĐTĐBXH

TM. UBND QUẬN, HUYỆN.....
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Về lý do ngừng trợ cấp, nêu rõ các lý do theo hồ sơ đính kèm (ví dụ: di chuyển đến nơi trú mới, từ trần, khai man hồ sơ...)